TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** TỈNH TRÀ VINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/DS-ST
Ngày: 29/11/2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiên Nghiệm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

2. Ông Nguyễn Trung Chánh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Màu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206/2018/TLST-DS, ngày 11 tháng 4 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100A/2018/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2018QĐST-DS, ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Lê Văn B**, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh **Lâm Quang T**, sinh năm 1977 (vắng mặt không có lý do);

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2018, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 15/10/2018, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Văn B trình bày:

Vào ngày 12/8/2015, anh có cho anh Lâm Quang T vay số tiền 100.000.000 đồng để đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh tỉnh Trà Vinh – Phòng giao dịch huyện Tiểu Cần. Khi cho vay tiền anh tự viết biên nhận và anh T ký tên nhận nợ, hai bên thỏa thuận lời nói lãi suất 2%/tháng, đến khi nào anh T đáo hạn xong và vay lại được tiền từ Ngân hàng sẽ trả tiền cho anh (mặc dù không ghi rõ thời hạn nhưng thông thường từ 10 ngày đến 01 tháng). Sau khi đáo hạn xong, Ngân hàng không cho anh T vay lại tiền, do đó anh T không thực hiện việc trả nợ đúng như thỏa thuận. Trong thời gian vay anh T có trả cho ông số tiền lãi 05 tháng (từ ngày 12/8/2015 đến ngày 12/01/2016) với mức lãi suất 1%/tháng bằng số tiền 5.000.000 đồng. Anh đã nhiều lần yêu cầu anh T trả số tiền vốn gốc và trả lãi theo thỏa thuận nhưng anh T không trả.

Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2018 anh yêu cầu anh T trả tổng số tiền là 129.250.000 đồng (trong đó vốn là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 29.250.000 đồng) đến ngày 15/10/2018 anh có đơn xin rút lại phần lãi tính từ ngày 12/01/2018 đến ngày 12/3/2018 là 26 tháng với mức lãi là 1,125%/tháng bằng số tiền là 29.250.000 đồng. Đối với phần lãi anh đã nhận mức lãi suất 1%/tháng với số tiền là 5.000.000 đồng từ anh T (từ ngày 12/8/2015 đến ngày 12/01/2016) anh không yêu cầu tính lại, vì việc thỏa thuận đó trong phạm vi pháp luật cho phép.

Tại phiên tòa hôm nay anh yêu cầu anh T trả cho anh số tiền vay vốn còn nợ là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn anh T Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án; triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa xét xử nên Tòa án không lấy lời khai của anh được và anh cũng không nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gì để phản đối với yêu cầu khởi kiện của anh B.

Vì vậy Tòa án cũng không thể kết luận được những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất và không thống nhất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay.

Về nội dung vụ án:

Qua kiểm tra chứng cứ có trong hồ sơ thì nguyên đơn anh B chứng minh được anh T có vay của anh B số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 12/8/2015 là có thật, bởi vì việc vay tiền có lập thành biên nhận có chữ ký của anh T, về lãi

suất và thời hạn vay chỉ thỏa thuận lời nói. Căn cứ vào biên nhận ngày 12/8/2015 và kết luận giám định số: 3173/C09B ngày 26/9/2018, kết luận chữ ký trong biên nhận ngày 12/8/2015 so với các mẫu so sánh có chữ ký của anh T là do cùng một người ký ra.

Từ những phân tích trên, Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn B.

Buộc bị đơn anh Lâm Quang T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Lê Văn B số tiền vay còn nợ 100.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nguyên đơn anh Lê Văn B về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền lãi tính từ ngày 12/01/2016 đến ngày 12/3/2018 là 26 tháng với mức lãi là 1,125%/tháng, số tiền là 29.250.000 đồng.

Về lệ phí giám định và án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Lâm Quang T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện*: Các bên đương sự thực hiện giao dịch vào ngày 12/8/2015, thời hạn vay theo nguyên đơn xác định 01 tháng, cho nên đến ngày 12/9/2015 bị đơn không trả tiền cho nguyên đơn được xác định là thời điểm quyền lợi của nguyên đơn bị xâm phạm. Các bên thực hiện giao dịch tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực thi hành. Theo quy định tại Điều 427 của Bộ luật Dân sự năm 2005, thời hiệu khởi kiện trong vụ án này là 02 năm kể từ ngày 12/9/2015, nhưng tại thời điểm giải quyết vụ án thì Bộ luật Dân sự năm 2015 đang có hiệu lực thi hành, nên áp dụng dụng các Điều 429 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện trong vụ án này là 03 năm (kể từ ngày 12/9/2015 đến ngày 12/9/2018). Do đó nguyên đơn khởi kiện vào ngày 04/4/2018 là còn thời hiệu khởi kiện.

[3] *Về nội dung:* Anh Lê Văn B có cho anh Lâm Quang T vay số tiền 100.000.000 đồng là có thật, anh B cung cấp được biên nhận vay tiền ngày 12/8/2015 (bút lục số 51) có chữ ký của anh T. Tại kết luận giám định số: 3173/C09B ngày 26/9/2018, chữ ký trong biên nhận ngày 12/8/2015 so với các mẫu so sánh có chữ ký của anh T là do cùng một người ký ra.

[4] Việc các bên thực hiện giao dịch vay tiền có làm biên nhận, thỏa thuận vay có thời hạn là phù hợp với quy định tại 124, 471 và Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Các đương sự thỏa thuận vay với mức lãi suất 2%/tháng, là cao hơn mức lãi suất quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, nhưng nguyên đơn khai chỉ nhận tiền lãi với mức 1%/tháng là trong phạm vi pháp luật cho phép, nên Hội đồng xét xử không tính lãi lại.

[5] Xét thấy, đơn khởi kiện ban đầu anh B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn anh Ttrả số tiền vay vốn gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 29.250.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh B xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu anh T trả 100.000.000 đồng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh B là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh B.

[6] Trong quá giải quyết vụ án bị đơn anh T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do và anh T cũng không giao nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác lại chứng cứ và yêu cầu do anh B đưa ra, do đó anh T phải chịu hậu quả của việc không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án theo quy định tại Điều 91 và Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc khởi kiện của anh Lê Văn B yêu cầu anh Lâm Quang T có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ 100.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[8] *Về lệ phí giám định và án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Lâm Quang T phải chịu lệ phí giám định và án phí theo quy định của pháp luật. Anh Lê Văn B không phải chịu lệ phí giám định và án phí.

[9] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 96, 97, 147, 160, 161, 162, 228, 244, 271, 273 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 124, 427, 471, 474, 476 và Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 429, khoản 2 Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn B.

Buộc anh Lâm Quang T có nghĩa vụ trả cho anh Lê Văn B số tiền vay còn nợ 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Do anh B không yêu cầu tính lãi, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn B về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền lãi tính từ ngày 12/01/2016 đến ngày 12/3/2018 là 29.250.000 đồng.

3. Về án phí:

Anh Lê Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho anh B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.230.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015427 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần;

Buộc anh Lâm Quang T phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về lệ phí:

Buộc anh Lâm Quang T phải chịu toàn bộ lệ phí giám định là 5.166.000 đồng.

Anh Lê Văn B không phải chịu lệ phí giám định; anh B được nhận lại số tiền tạm ứng lệ phí là 6.000.000 đồng, trong đó nhận tại Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần là 834.000 đồng và nhận số tiền 5.166.000 đồng do anh T có nghĩa vụ phải chịu lệ phí nêu trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Tiên Nghiệm